

Số: 07/2024/QĐST-DS

Tân An, ngày 19 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Chiém

2. Ông Phạm Văn Hải

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 208/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021,

**XÉT THẤY**

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1952;

Cư trú tại: Số B Đường C, khu phố B, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1953;

Cư trú tại: Số B Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Cao Thị M, sinh năm 1944;

Cư trú tại: Số C Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1985;

Cư trú tại: Số A Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

3/ Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1971;

Cư trú tại: Số B Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An;

4/ Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1975;

Cư trú tại: Số B Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

5/ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1961;

Cư trú tại: Số B Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

6/ Bà Đặng Thị N, sinh năm 1953;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1952 (văn bản ủy quyền ngày 04/12/2021);

Cùng cư trú tại: Số B Đường C, khu phố B, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An;

7/ Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1982;

Cư trú tại: Số B Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An;

8/ Bà Trần Nguyệt Y, sinh năm 1954;

Cư trú tại: Số B Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An;

9/ Văn phòng C1;

Địa chỉ trụ sở: Số A đường H, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Văn phòng C1: Ông Lê Thiện Đ, chức vụ: Trưởng Văn phòng.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Trí T và bị đơn ông Nguyễn Ngọc G cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng A thống nhất vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo văn bản “Giấy mua bán đất thổ cư” ghi ngày 02/5/2008 đối với phần đất thuộc thửa số 202, tờ bản đồ số 1-11a, diện tích 59,4m<sup>2</sup>, loại đất ODT, tọa lạc Phường C, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 793104, sổ vào sổ cấp GCN: CS 02511 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho Nguyễn Hoàng A đứng tên vào ngày 26/4/2021.

- Về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Ông Nguyễn Trí T và ông Nguyễn Ngọc G cùng ông Nguyễn Hoàng A thống nhất thỏa thuận ông G và ông A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 80.000.000 đồng đã nhận theo văn bản “Giấy mua bán đất thổ cư” ghi ngày 02/5/2008 và số tiền chênh lệch do giá trị quyền sử dụng đất tăng là 390.000.000 đồng, tổng cộng ông G và ông A phải liên đới trả cho ông T số tiền 470.000.000 đồng. Ông T, ông G và ông A thống nhất xác định ngày 17/01/2024, ông T đã nhận 200.000.000 đồng; còn lại số tiền 270.000.000 đồng ông G và ông A phải giao đủ cho ông T chậm nhất ngày 07/02/2024 (tức ngày 28 tháng 12 năm 2023 âm lịch).

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí trích đo bản đồ địa chính, thẩm định giá tài sản tổng cộng là 19.000.000 đồng. Ông T, ông G và ông A thống nhất thỏa thuận ông G và ông A phải liên đới chịu 10.000.000 đồng. Do ông T đã tạm ứng toàn bộ và chi phí xong nên ông G và ông A có nghĩa

vụ trả cho ông T số tiền 10.000.000 đồng, thời gian trả chậm nhất ngày 07/02/2024.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong) hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trí T và ông Nguyễn Ngọc G cùng ông Nguyễn Hoàng A thống nhất thỏa thuận ông G và ông A có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 6.750.000 đồng (đã giảm  $\frac{1}{2}$  do hòa giải thành), ông G là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông G được miễn toàn bộ án phí, ông A phải chịu án phí với số tiền 3.375.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- Viện KSND tp Tân An;
- Chi cục THADS tp Tân An;
- Các đương sự (11);
- Lưu: HS vụ án, án văn.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Toàn Vẹn**